

**ỦY BAN NHÂN HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG MẦM NON ĐOI LẦU**

**CÔNG KHAI LẦN 3
NĂM HỌC 2023 - 2024**

Biểu mẫu 01

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:
Tên cơ sở giáo dục

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ
TRƯỜNG MẦM NON DOI LẦU

Địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ website, số

ấp Doi Lầu, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ

Website: mndoilau.hcm.edu.vn

Quyết định thành lập trường

Số quyết định thành lập trường 394/2011-QĐ-UB Cần Giờ, ngày 30/6/2011

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1. Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc - Giảm SDD thể nhẹ cân: 75% - Giảm SDD thấp còi: 60% - Tỷ lệ TC-BP: Không tăng so với đầu vào - Khám sức khỏe 1 lần/năm: 100%. - 100% trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm. 2. Chất lượng giáo dục: - 100% trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non.	1. Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc - Giảm SDD thể nhẹ cân: 75% - Giảm SDD thấp còi: 60% - Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD nhẹ cân và thấp còi: < 10% - Tỷ lệ TC-BP: Không tăng so với đầu vào - Khám sức khỏe 1 lần/năm: 100%. - 100% trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần, không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm. 2. Chất lượng giáo dục: - 100% trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. - 100% trẻ 5- 6 tuổi được chứng nhận đã hoàn thành chương trình Giáo dục mầm non 5 tuổi.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non". - Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non. - Tạo điều kiện cho trẻ được tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục. - Có các biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.	- Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non". - Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non. - Tạo điều kiện cho trẻ được tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục. - Có các biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp,	Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về
-------------------	--	--	--

	diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ - Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào
--	---	--

			các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	1. Môi trường vật chất a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp - Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được. - Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. + Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động. + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản. + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ. b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời - Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.	1. Môi trường vật chất a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp - Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ. - Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết. b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có: - Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời. - Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây

		- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật. 2. Môi trường xã hội Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.	và khu vực nuôi các con vật. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.
--	--	--	--

Cần Giờ, ngày 27 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Kim Chi

Biểu mẫu 02**Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:****Tên cơ sở giáo dục****Địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ website, số****Quyết định thành lập trường****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ****TRƯỜNG MẦM NON DOI LẦU****ấp Doi Lầu, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ***Website: mndoilau.hcm.edu.vn**Số quyết định thành lập trường 394/2021-QĐ-UB Cần Giờ, ngày 30/11/2011.***THÔNG BÁO****Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	281	0	0	30	64	91	96
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	281	0	0	30	64	91	96
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	253		0	30	62	82	81
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	281	0	0	30	64	91	96
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	281	0	0	30	64	91	96
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	195		0	26	48	66	55

2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0		0	0	0	0	0
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0		0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể còi	0		0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	84			4	14	16	50
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	30			23			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	251				66	91	96

Cần Giờ, ngày 27 tháng 5 năm 2024
 Thủ trưởng đơn vị

 Trần Thị Kim Chi

Biểu mẫu 03

Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Tên cơ sở giáo dục

TRƯỜNG MẦM NON DOI LẦU

Địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ website, số

ấp Doi Lầu, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ

Website: mndoilau.hcm.edu.vn

Quyết định thành lập trường

Số quyết định thành lập trường 394/2011-QĐ-UB Cần Giờ, ngày 30/6/2011.

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16 phòng Có 10 nhóm lớp	4.8 ^{m²} /trẻ em (13541,6 ^{m²} /10 lớp/281 trẻ)
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	4	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	Số điểm trường	3	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	13.541,6 ^{m²}	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	6.553 ^{m²}	23.3 ^{m²} /trẻ em (6553 ^{m²} /281 trẻ)
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	84m ²	2.98m ² /trẻ em (84m ² x10/281 trẻ)
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	Dùng chung phòng sinh	

		hoạt chung	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	18 ^{m2} / phòng	0,64 ^{m2} (18 ^{m2} x10/281 trẻ)
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	27,6 ^{m2}	0.98 ^{m2} /trẻ em (27,6 ^{m2} x10/281 trẻ)
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	130 ^{m2}	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	80 ^{m2}	
7	Phòng thư viện ghép chung phòng vi tính:	80 ^{m2}	
8	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	Bếp 288 ^{m2}	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	10/10 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	01	1 sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15 bộ máy vi tính	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	00	Số thiết bị/nhóm (lớp)

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	8	4/4	x	x
2	Chưa đạt chuẩn vệ	00	00	00	00	00

sinh*					
-------	--	--	--	--	--

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Cần Giờ, ngày 27 tháng 5 năm 2024



Trưởng đơn vị

Trần Thị Kim Chi